

Số: 209 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đề án củng cố và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030



THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 422/VPCP-KTTH ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về việc Đề án củng cố và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Củng cố và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng trình Thống đốc ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, trong đó xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ và đơn vị chủ trì thực hiện các giải pháp đã nêu tại Đề án nhằm đảm bảo triển khai có hiệu quả các giải pháp.

b) Phối hợp với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện chương trình, kế hoạch tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Đầu mối giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tiến độ và kết quả thực hiện các giải pháp được nêu trong Đề án.

d) Chủ động đề xuất Thống đốc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

đ) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Thống đốc (Báo cáo 6 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 hằng năm) về tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Đề án và đề xuất các giải pháp xử lý.

e) Đầu mối, phối hợp với các Vụ/Cục của Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với các giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành có liên quan nhằm củng cố và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

2. Trách nhiệm của các Vụ/Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc giám sát, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tiến độ và kết quả thực hiện các giải pháp được nêu trong Đề án.

c) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc đề xuất Thống đốc xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

d) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với các giải pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành có liên quan nhằm củng cố và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

3. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố:

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện nội dung Đề án tới các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Chỉ đạo, theo dõi các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong việc xây dựng và triển khai thực hiện Phương án, kế hoạch để triển khai thực hiện các giải pháp nêu trong Đề án.

d) Định kỳ báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (Báo cáo 6 tháng đầu năm trước ngày 01 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 31 tháng 12 hằng năm) về tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Đề án và đề xuất các giải pháp xử lý.

4. Trách nhiệm của Ngân hàng Hợp tác xã, Hiệp hội quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam và Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam:

a) Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Định kỳ báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (Báo cáo 6 tháng đầu năm trước ngày 01 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 31 tháng 12 hằng năm) về tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Đề án và đề xuất các giải pháp xử lý.

5. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân:

a) Xây dựng và triển khai Phương án, kế hoạch để thực hiện các giải pháp nêu tại Đề án, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Đề án nêu tại điểm a khoản 1 Điều này và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

b) Định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (Báo cáo 6 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 6 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 12 hằng năm) về tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Đề án và đề xuất các giải pháp xử lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Hợp tác xã, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc các quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Lưu: VP, CQTTGSNH.

THỐNG ĐỐC



Lê Minh Hưng



ĐỀ ÁN

Củng cố và phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 209/QĐ-NH ngày 31 tháng 1 năm 2019 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

I. Quan điểm phát triển hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND):

Quan triệt chủ trương, quan điểm của Đảng, Quốc hội và Chính phủ tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 của Quốc hội khóa XIII về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020, Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 142 của Quốc hội; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng chính phủ về nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế, quan điểm phát triển hệ thống QTDND và Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 10/10/2000 của Bộ Chính trị về củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống QTDND, quan điểm về củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là:

- **Thứ nhất**, tập trung rà soát, củng cố, chấn chỉnh lại toàn bộ hệ thống QTDND hiện nay nhằm đảm bảo ổn định, an toàn, lành mạnh và hiệu quả trước khi thực hiện việc tăng cường mở rộng phát triển hệ thống QTDND.

- **Thứ hai**, việc tổ chức, hoạt động và thành lập QTDND phải đảm bảo bản chất của mô hình kinh tế tập thể với mục tiêu tương trợ giữa các thành viên trên cơ sở liên kết trong cùng địa bàn xã, phường, thị trấn hoặc liên kết theo ngành nghề sản xuất. Việc cấp phép thành lập mới chỉ được xem xét khi đảm bảo đồng thời việc đã rà soát, chấn chỉnh toàn bộ hệ thống QTDND và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để đảm bảo đúng bản chất của mô hình QTDND.

- **Thứ ba**, rà soát, đánh giá lại điều kiện, nhu cầu cần thiết khách quan, khả năng tồn tại, đảm bảo an toàn đối với các QTDND trong từng địa phương, địa bàn để tiếp tục sắp xếp lại các QTDND, số lượng QTDND tại từng tỉnh, thành phố bằng các hình thức tổ chức lại hợp lý, đảm bảo sự ổn định an toàn hệ thống.

- **Thứ tư**, xây dựng cơ chế quản lý hệ thống QTDND theo quy mô, căn cứ vào quy mô để quy định về bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát, kiểm toán nội bộ và cơ sở vật chất, công nghệ thông tin.

- **Thứ năm**, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm tăng cường gắn kết trách nhiệm và quyền lợi giữa các thành viên của QTDND, liên kết giữa các QTDND với Ngân hàng Hợp tác xã (NHHTX), Hiệp hội QTDND, Quỹ Bảo toàn để phát triển hệ thống QTDND; tăng cường các hoạt động hỗ trợ khi có rủi ro thanh khoản, tương trợ lẫn nhau trong quá trình hoạt động giữa các QTDND.

- **Thứ sáu**, tăng cường quản lý nhà nước đối với hệ thống QTDND thông qua công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra để ngăn chặn, đẩy lùi các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro; xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, QTDND yếu kém, không làm ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống QTDND nói riêng và an toàn hệ thống các TCTD nói chung. Xây dựng mới, tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao kỹ năng giám sát an toàn đối với từng QTDND và cả hệ thống; tăng cường vai trò của NHHTX, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) trong việc kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kịp thời đối với các QTDND theo quy định của Luật TCTD đã được sửa đổi, bổ sung.

II. Mục tiêu phát triển hệ thống QTDND:

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển hệ thống QTDND theo đúng mục tiêu, tôn chỉ của loại hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã (TCTD là HTX) theo quy định của pháp luật; có cơ cấu tổ chức, đủ năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các thành viên QTDND hướng tới mục tiêu chủ yếu là tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên phục vụ sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và địa bàn có nhiều khó khăn;

Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của thành viên QTDND, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp - nông thôn, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi, đảm bảo an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tập thể, trong đó nòng cốt là các hợp tác xã (HTX);

Phát triển NHHTX có đủ năng lực tài chính, tăng cường năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững để thực hiện tốt vai trò là ngân hàng của tất cả các QTDND;

Thực hiện tính liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn, đảm bảo an toàn hệ thống các QTDND, hỗ trợ thúc đẩy phát triển các loại hình kinh tế tập thể là HTX khác trên phạm vi toàn quốc.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Đến năm 2020:

a/ Hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại NHHTX và các QTDND theo Đề án cơ cấu lại các tổ chức tín dụng (TCTD) gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

b/ Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về thanh tra, giám sát, cấp phép, tổ chức, hoạt động đối với các QTDND và NHHTX phục vụ quá trình cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của hệ thống QTDND;

c/ Các QTDND hoạt động ở địa bàn nông thôn có mức vốn điều lệ tối thiểu là 500 triệu đồng, các QTDND hoạt động ở địa bàn các tỉnh, thành phố có mức vốn điều lệ tối thiểu là 01 tỷ đồng; tỷ trọng tiền gửi của thành viên QTDND đạt tối thiểu 60% tổng nguồn vốn huy động của QTDND, tỷ trọng cho vay đối với thành viên đạt tối thiểu 90% tổng dư nợ cho vay; tuân thủ tôn chỉ, mục tiêu của loại hình TCTD là HTX theo quy định của pháp luật, tăng cường tính liên kết hệ thống;

d/ Các QTDND có hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, thống nhất trong toàn hệ thống, đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành của QTDND và yêu cầu quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước;

đ/ NHHTX thực hiện hiệu quả vai trò, chức năng là ngân hàng của các QTDND trong việc điều hòa vốn, liên kết hệ thống và các hoạt động hỗ trợ đối với các QTDND;

e/ Hoàn thành cơ bản việc xử lý các QTDND yếu kém, bị đặt vào kiểm soát đặc biệt.

2.2. Đến năm 2030:

a/ Có hệ thống văn bản pháp lý đồng bộ, thống nhất về quản lý, thanh tra, giám sát, cấp phép, tổ chức, hoạt động đối với các QTDND và NHHTX để hỗ trợ hệ thống QTDND phát triển;

b/ Các QTDND hoạt động chủ yếu trên địa bàn xã, phục vụ chủ yếu cho các thành viên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa bàn xã nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;

c/ Hệ thống TCTD là HTX có năng lực tài chính lành mạnh, quản trị, điều hành hiệu quả, hoạt động kinh doanh có lãi, nợ xấu dưới 3%;

d/ Vốn điều lệ của QTDND hoạt động tại địa bàn nông thôn tối thiểu đạt 01 tỷ đồng; vốn điều lệ của QTDND hoạt động tại các tỉnh, thành phố tối thiểu đạt 3 tỷ đồng;

đ/ Tỷ trọng tiền gửi của thành viên đạt tối thiểu 65% tổng nguồn vốn huy động của QTDND, tỷ trọng cho vay đối với thành viên đạt tối thiểu 95% tổng dư nợ cho vay.

III. Giải pháp phát triển hệ thống QTDND:

1. Nhóm giải pháp đối với NHHTX và QTDND:

1.1. Nhóm giải pháp đối với hệ thống QTDND:

a/ Thực hiện theo đúng nội dung, giải pháp và tiến độ tại Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 của QTDND được phê duyệt;

b/ Chủ động xây dựng, triển khai và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp với diễn biến của thị trường và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

c/ Tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc của mô hình HTX, tập trung thực hiện mục tiêu hỗ trợ vốn và cung ứng các dịch vụ ngân hàng cho các thành viên; tiến tới chỉ huy động và cho vay đối với thành viên;

d/ Tiếp tục điều chỉnh địa bàn hoạt động của các QTDND theo hướng giới hạn hoạt động trên địa bàn một xã, phường, thị trấn. QTDND chỉ được hoạt động liên xã là các xã liền kề với xã nơi QTDND đặt trụ sở chính thuộc phạm vi trong cùng một quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đã được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phê duyệt; tại các xã, phường, thị trấn khác được hình thành do thay đổi địa giới hành chính của các xã, phường, thị trấn đã được NHNN phê duyệt nhưng vẫn trong phạm vi cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc tỉnh. QTDND ngành nghề hoạt động trên địa bàn theo hướng dẫn của NHNN;

đ/ Tăng vốn điều lệ theo mức vốn pháp định sau khi Nghị định của Chính phủ về mức vốn pháp định của TCTD được sửa đổi, bổ sung;

e/ Thu hút thành viên mới đi kèm với nâng cao chất lượng, tính liên kết giữa các thành viên QTDND thông qua việc góp vốn xác lập tư cách thành viên và tăng tỷ lệ nhận tiền gửi từ thành viên. Thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của loại hình TCTD là HTX. Chủ động khai thác các nguồn vốn ủy thác cho vay;

g/ Đa dạng hóa nguồn thu từ hoạt động phi tín dụng như dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ, tư vấn tài chính, nhận ủy thác và làm đại lý liên quan đến quản lý tài sản theo quy định của pháp luật;

h/ Tuân thủ đúng các quy định về an toàn trong hoạt động, các quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng;

i/ Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy chế nội bộ về hoạt động cho vay, quản lý tiền vay, đảm bảo việc sử dụng tiền vay đúng mục đích; tăng cường thiết chế kiểm soát hoạt động tín dụng theo nguyên tắc phân định và bảo đảm tính độc lập giữa bộ phận thẩm định và bộ phận xét duyệt cho vay;

k/ Tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, chủ động quản lý và kiểm soát nợ xấu; tăng cường quản lý rủi ro để giảm chi phí dự phòng rủi ro;

l/ Hoàn thiện cơ chế, quy định nội bộ, tạo điều kiện cho thành viên tham gia quản lý và giám sát hoạt động của QTDND và đảm bảo QTDND tuân thủ quy định của pháp luật về tổ chức hoạt động, kế toán, kiểm toán và chế độ báo cáo;

m/ Nâng cao chất lượng tài sản, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát tốt chi phí quản lý để giúp cân bằng thu chi trên nguyên tắc hoạt động của QTDND phải bù đắp chi phí và có tích lũy để phát triển;

n/ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý tài chính, hạch toán, kế toán của QTDND và chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật;

o/ Tăng cường công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và tinh gọn bộ máy quản lý, nhân sự để nâng cao hiệu quả hoạt động của QTDND, rà soát đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Giám đốc QTDND phù hợp với quy mô hoạt động của các QTDND;

p/ Có các biện pháp tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, giới thiệu về sản phẩm, hoạt động của QTDND, lợi ích của việc tham gia QTDND và chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với QTDND đến cộng đồng dân cư để thu hút thêm các thành viên mới;

1.2. Giải pháp đối với NHHTX:

a/ Thực hiện các nội dung, giải pháp theo đúng Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 của NHHTX được phê duyệt;

b/ Tiếp tục tăng cường vai trò ngân hàng đầu mối kết nối hệ thống đối với các QTDND thành viên trong việc cho vay, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn nhân rồi giữa các QTDND thành viên; thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các QTDND thành viên theo chỉ đạo của NHNN; hướng dẫn nghiệp vụ, việc thực hiện các quy định về an toàn của QTDND, hỗ trợ đào tạo, kiểm toán nội bộ của NHHTX đối với QTDND thành viên;

c/ Tăng cường năng lực tài chính cho NHHTX thông qua việc góp vốn thường niên của các QTDND thành viên, bổ sung vốn điều lệ từ nguồn tích lũy nội bộ NHHTX và các vốn khác;

d/ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều hòa vốn (lãi suất tiền gửi, lãi suất tiền vay điều hòa, mức cho vay, thời hạn cho vay, điều kiện vay vốn...) phù hợp để điều hòa hiệu quả nguồn vốn nhân rồi của QTDND, phù hợp với thực tế hoạt động và yêu cầu phát triển hệ thống QTDND;

đ/ Tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Bảo toàn, trong đó có cơ chế nộp phí tham gia Quỹ Bảo toàn và việc sử dụng Quỹ Bảo toàn phù hợp với thực tiễn, tăng cường tính công khai, minh bạch trong sử dụng Quỹ Bảo toàn nhằm nâng cao khả năng hỗ trợ QTDND khó khăn tạm thời về khả năng chi trả của QTDND cũng như cho vay đặc biệt theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD số 17/2017/QH14;

e/ Nâng cao năng lực đánh giá, thẩm định, quản lý chất lượng tín dụng đối với các khoản cho vay hỗ trợ của NHHTX đối với QTDND thành viên và các khoản cho vay hợp vốn giữa NHHTX và QTDND thành viên; đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhằm tiến tới cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại cho các QTDND thành viên;

g/ Đầu tư, xây dựng hệ thống công nghệ, hạ tầng thông tin hiện đại; ưu tiên phát triển dịch vụ thanh toán điện tử, tăng cường các giải pháp bảo mật thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện hiệu quả vai trò ngân hàng của các QTDND;

h/ Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, trụ sở, trang thiết bị phù hợp với quy mô, yêu cầu hoạt động và định hướng phát triển của NHHTX và hệ thống QTDND.

2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước:

2.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách:

a/ Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật các TCTD được sửa đổi, bổ sung có liên quan đến quản trị, điều hành, kiểm soát QTDND, NHHTX;

b/ Trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 của Chính phủ quy định về mức vốn pháp định của TCTD, theo đó đến năm 2020 mức vốn pháp định đối với QTDND hoạt động trên khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường, quận thuộc thị xã, thành phố đến năm 2020 là 500 triệu đồng, đến năm 2030 là 01 tỷ đồng và tại các khu vực địa giới hành chính bao gồm địa bàn phường, quận thuộc thị xã, thành phố đến năm 2020 là 01 tỷ đồng, đến năm 2030 là 03 tỷ đồng;

c/ Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phép, tổ chức, hoạt động, quản trị, điều hành, kiểm soát đối với QTDND, phù hợp với quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD, cụ thể:

(i) Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về cấp phép thành lập và hoạt động của QTDND trên nguyên tắc bảo đảm mô hình HTX, với sự tham gia góp vốn thành lập của pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình, hoạt động chủ yếu tại địa bàn một xã, phường theo Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 10/10/2000 của Bộ Chính trị. Nội dung hoạt động chủ yếu là hỗ trợ lẫn nhau về vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống; đồng thời mở rộng các sản phẩm, dịch vụ tư vấn, tài chính đối với khách hàng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội tại địa bàn xã, phường;

(ii) Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2015/TT-NHNN quy định về QTDND để nâng cao quy định về điều kiện, trách nhiệm, tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT, Ban điều hành (BDH), Ban kiểm soát (BKS), một số chức danh khác, thành viên góp vốn của QTDND. Đặc biệt là các quy định về điều kiện, trách nhiệm, tiêu chuẩn đối với thành viên HĐQT, BDH và BKS đối với QTDND có quy mô hoạt động lớn, tổng tài sản từ 200 tỷ đồng trở lên; hạn chế và kiểm soát chặt chẽ những người có liên quan, huyết thống, họ hàng tham gia HĐQT, BDH; Nghiên cứu ban hành quy định mới việc phân cấp quản lý theo quy mô tài sản có của QTDND theo các mức: Tổng tài sản có đến 200 tỷ đồng, từ trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng và trên 500 tỷ đồng với các điều kiện, tiêu chuẩn khác nhau về quản trị, phòng ngừa rủi ro, công nghệ, tổ chức và cán bộ; Có các giải pháp phù hợp để quản lý và điều chỉnh các QTDND hiện nay có tổng tài sản có trên 500 tỷ đồng: QTDND chỉ được Thống đốc NHNN cho phép có tổng tài sản có trên 500 tỷ đồng trong trường hợp đặc biệt sau khi đã thực hiện các giải pháp và đáp ứng các điều kiện quy định. Đồng thời, sửa đổi các quy định về đảm bảo an toàn hoạt động (hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán độc lập, quản trị rủi ro...) theo quy mô hoạt động của QTDND.

(iii) Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của QTDND; nâng cao vai trò, hiệu quả và tính độc lập của BKS với HĐQT, BDH trong mọi hoạt động của QTDND;

(iv) Sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm toán độc lập đối với QTDND đảm bảo báo cáo tài chính của các QTDND được kiểm toán hằng năm.

(v) Chỉ cấp phép thành lập QTDND trên cơ sở nhu cầu thực tế, thực sự cần thiết và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, hoạt động tại địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa nơi chưa có mạng lưới các TCTD và dịch vụ ngân hàng; Việc cấp phép thành lập mới được xem xét khi đảm bảo đồng thời việc đã rà soát, chấn chỉnh toàn bộ hệ thống QTDND và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để đảm bảo đúng bản chất của mô hình QTDND.

d/ Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2015/TT-NHNN quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của QTDND; bổ sung, sửa đổi các quy định về người có liên quan, về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng đối với QTDND;

đ/ Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến NHHTX, cụ thể:

(i) Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2012/TT-NHNN về NHHTX nhằm nâng cao vai trò đầu mối hệ thống, cho vay hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn nhân rồi giữa các QTDND, tăng cường vai trò giám sát, hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ đào tạo, kiểm toán nội bộ của NHHTX đối với QTDND;

(ii) Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của NHHTX;

e/ Sửa đổi, bổ sung các quy định về giám sát, thanh tra, đảm bảo quy trình giám sát, thanh tra thống nhất trong toàn hệ thống, mọi hoạt động của QTDND được giám sát thường xuyên, liên tục; kịp thời phát hiện rủi ro, có biện pháp cảnh báo sớm nhằm ngăn ngừa và xử lý kịp thời mọi rủi ro, vi phạm, đồng thời làm cơ sở xây dựng kế hoạch thanh tra QTDND;

g/ Sửa đổi, bổ sung quy định về Quỹ Bảo toàn để sử dụng có hiệu quả, hỗ trợ QTDND khi gặp khó khăn về tài chính, khó khăn chi trả có thể khắc phục trở lại hoạt động bình thường, đồng thời cho vay đặc biệt theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD số 17/2017/QH14;

h/ Nghiên cứu thông lệ quốc tế, xây dựng Đề án thành lập thí điểm mô hình QTDND ngành nghề phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.

2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, thanh tra, giám sát hệ thống QTDND:

a/ Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/NĐ-CP ngày 12/06/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng (CQTTGSNH) trực thuộc NHNN; trong đó, trên cơ sở cơ cấu lại các Vụ, Cục hiện có, thành lập một đơn vị đầu mối, chuyên trách trong CQTTGSNH thực hiện chức năng quản lý vĩ mô

trong việc cấp phép, xây dựng cơ chế, chính sách về tổ chức hoạt động, thanh tra, giám sát vĩ mô và xử lý đối với toàn hệ thống TCTD là HTX và tổ chức tài chính vi mô;

b/ Tăng cường công tác thanh tra, giám sát vĩ mô của CQTTGSNH, giám sát vi mô của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố đối với hệ thống QTDND để kịp thời cảnh báo, ngăn ngừa rủi ro; tăng cường số lượng, tần suất các cuộc thanh tra, kết hợp kiểm tra đột xuất hoạt động của QTDND trên địa bàn để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý yếu kém, các sai phạm, rủi ro đạo đức của QTDND; đảm bảo QTDND hoạt động đúng bản chất, đặc thù, tính liên kết, hỗ trợ giữa các thành viên QTDND và giữa các QTDND thành viên trong hệ thống thông qua NHHTX; Thí điểm thực hiện việc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố thanh tra QTDND của tỉnh, thành phố khác theo tỷ lệ nhất định;

c/ Xử lý các QTDND xếp hạng D theo quy định về xếp hạng QTDND của NHNN hoặc các QTDND được đặt vào kiểm soát đặc biệt thông qua các phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt phù hợp với loại hình QTDND theo quy định của Luật các TCTD được sửa đổi, bổ sung; phương án xử lý tiền gửi theo quy định pháp luật từ các tổ chức khác (bao gồm cả TCTD khác); phương án phá sản đối với QTDND không có khả năng phục hồi vào thời điểm thích hợp;

d/ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tổ chức và hoạt động đối với QTDND, phát triển HTX, nông nghiệp, nông thôn;

đ/ Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý, giám sát hệ thống QTDND thống nhất, kết nối các QTDND với CQTTGSNH, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, phục vụ hiệu quả công tác giám sát vi mô và vĩ mô đối với hệ thống và kịp thời kiểm soát, xử lý rủi ro, yếu kém đối với từng QTDND;

e/ Đào tạo, đào tạo lại trình độ chuyên môn, nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ làm công tác thanh tra, giám sát và quản lý QTDND;

g/ Tiếp tục hoàn thiện cẩm nang xử lý QTDND yếu kém phù hợp với thực tiễn để hướng dẫn thống nhất trong toàn hệ thống NHNN.

3. Nhóm giải pháp hỗ trợ:

3.1. Giải pháp về nâng cao vai trò của BHTGVN:

a/ Tăng cường vai trò và sự phối hợp của BHTGVN trong việc xử lý, tham gia hỗ trợ các QTDND yếu kém được đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các TCTD được sửa đổi, bổ sung;

b/ Đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền chính sách bảo hiểm tiền gửi trong việc bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền là thành viên của QTDND.

c/ Nghiên cứu trình Chính phủ, Quốc hội đề sửa đổi, bổ sung Luật BHTGVN và các quy định có liên quan trong việc phát huy vai trò và sử dụng

nguồn lực của BHTGVN để hỗ trợ, xử lý các QTDND yếu kém, đảm bảo an toàn hệ thống QTDND.

3.2. Giải pháp về nâng cao vai trò của Hiệp hội QTDND:

a/ Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của Hiệp hội QTDND theo quy định của pháp luật về Hội, đặc biệt là Tổng thư ký, các bộ phận chuyên môn, mạng lưới văn phòng đại diện, đảm bảo có đủ năng lực đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của các QTDND, tăng cường mối liên kết giữa các QTDND, hệ thống QTDND và NHHTX;

b/ Hiệp hội QTDND làm đầu mối, phối hợp với NHHTX, nghiên cứu, xây dựng, triển khai thí điểm Đề án kiểm toán độc lập đối với hệ thống QTDND;

c/ Hiệp Hội QTDND làm đầu mối, phối hợp với NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, NHHTX, các cơ sở đào tạo, kiện toàn đội ngũ giảng viên (kể cả giảng viên kiêm chức), cập nhật, bổ sung, sửa đổi nội dung giáo trình đào tạo để đào tạo, đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ QTDND;

d/ Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới, hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong hoạt động của các QTDND thành viên;

đ/ Đầu mối tuyên truyền chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, hoạt động ngân hàng cho các hội viên; đẩy mạnh hoạt động tư vấn, trao đổi thông tin, kinh nghiệm về hoạt động trong hệ thống QTDND;

e/ Đầu mối tổng hợp kiến nghị của các QTDND để báo cáo, kiến nghị NHNN, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến cơ chế chính sách về tổ chức, hoạt động, tài chính, kế toán,... đối với QTDND;

g/ Tăng cường hiệu quả công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế nhằm thu hút sự hỗ trợ về mặt tài chính và kỹ thuật cho hệ thống QTDND.

IV. Lộ trình thực hiện:

1. Giai đoạn từ 2019-2020:

a/ Hoàn thành cơ cấu lại hệ thống QTDND, NHHTX theo Đề án cơ cấu lại TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

b/ Hoàn thành việc xây dựng, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp lý về thanh tra, giám sát cấp phép, tổ chức và thành lập đối với NHHTX và hệ thống QTDND nêu tại các điểm 2.1 mục III Đề án này;

c/ Xây dựng và triển khai thực hiện các phương án cơ cấu lại các QTDND được đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD;

d/ Hoàn thiện cơ sở pháp lý để BHTGVN, NHHTX có thể tham gia tái cơ cấu, xử lý QTDND yếu kém;

đ/ Nghiên cứu, xây dựng Đề án kiểm toán độc lập đối với hệ thống QTDND và Đề án thí điểm thành lập QTDND ngành nghề;

e/ Triển khai thí điểm việc thành lập mô hình tổ, nhóm thẩm định tín dụng đối với khoản vay lớn của QTDND.

2. Giai đoạn từ 2021-2030:

a/ Sơ kết, đánh giá việc thực hiện các giải pháp giai đoạn 2019-2020;

b/ Các QTDND và NHHTX tiếp tục nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động;

c/ Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách về cấp phép, tổ chức, hoạt động của QTDND và NHHTX, thúc đẩy hệ thống TCTD là HTX phát triển an toàn và bền vững;

d/ Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động, thanh tra, giám sát an toàn hệ thống QTDND và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống QTDND;

đ/ Tiếp tục nâng cao vai trò của BHTGVN, NHHTX trong việc tham gia tái cơ cấu, xử lý QTDND yếu kém;

e/ Triển khai thí điểm Đề án kiểm toán độc lập đối với hệ thống QTDND; tổng kết, đánh giá kết quả thí điểm Đề án này trước khi triển khai trên thực tế;

g/ Triển khai thí điểm Đề án thành lập QTDND ngành nghề; tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Đề án này; xây dựng cơ chế, chính sách về tổ chức và hoạt động của QTDND ngành nghề;

h/ Ban hành quy định về tổ chức, hoạt động của mô hình tổ, nhóm thẩm định tín dụng, Trung tâm thẩm định tín dụng trên cơ sở tổng kết thí điểm mô hình này giai đoạn 2019-2020. *ghe*

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM